

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/DS-PT.
Ngày: 19-6-2024.
V/v Tranh chấp về
thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Dũng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Liên
Ông Huỳnh Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hà Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Bà Trần Thị Thanh Bắc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2023/DS - ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112A/2023/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị Hồng P, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: ông Lê Trung T, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Minh H, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn T, xã C, H, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Trung Ú, sinh năm 1978;

2. Bà Lê Thị Hồng H1, sinh năm 1969;

3. Ông Lê Trung T1, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ú, bà H1, ông T1: bà Lê Thị Hồng P, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

4. Bà Huỳnh Thị Thu H2, sinh năm 1969;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: bà Lê Thị Thu H3, sinh năm 2003; Cùng địa chỉ: thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

5. Bà Lê Thị H4, sinh năm 1967; địa chỉ: thôn N, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Lê Trung T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/10/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P trình bày:

Ông bà nội của bà P là ông Lê H5 và bà Trần Thị L. Bà L chết năm 2008, ông H5 chết năm 2014, trước khi chết không để lại di chúc. Ông bà nội bà P có 04 người con chung gồm: Lê Thị H4, Lê Trung C, Lê Trung T và Lê Trung Ú, ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác. Bà H4, ông T, ông Ú hiện nay còn sống, riêng ông Lê Trung C là cha ruột của bà P đã chết năm 2020. Ông Lê Trung C có vợ là bà Lê Thị Bích N, bà N chết năm 2007. Ông C và bà N có 03 người con chung là: Lê Thị Hồng H1, Lê Thị Hồng P và Lê Trung T1.

Khi còn sống ông H5 và bà L có tạo lập khối tài sản là Quyền sử dụng đất thừa số 732, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.812m² loại đất ở cộng đất vườn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ Lê Trung H6 (L) và 01 ngôi nhà cấp 4, ngôi nhà này hiện do ông Lê Trung T quản lý sử dụng. Ngoài ra, trên thửa đất còn có 01 ngôi nhà 02 tầng do ba chị em bà P xây dựng vào năm 2020 để ở và thờ cúng cha mẹ diện tích khoảng 100m², 01 ngôi nhà của ông Lê Trung Ú xây dựng đã bỏ hoang, 01 nhà vệ sinh ngoài trời do vợ chồng ông T xây dựng.

Trong quá trình sử dụng thửa đất chung của ông bà nội để lại, bà P có yêu cầu ông Lê Trung T ký các thủ tục để chị em bà tách thửa đất có phần nhà mà chị em bà đã xây dựng thì ông T không đồng ý, sau nhiều lần thương lượng nhưng các bên không thỏa thuận được. Nay bà Lê Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết chia tài sản thừa kế thừa số 732, tờ bản đồ số 09 và tài sản trên đất là ngôi nhà của ông Lê H6 và bà Trần Thị L để lại theo pháp luật. Đối với cây cối trên đất là những cây có giá trị thấp nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Về diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.812m² nhưng đo đạc thực tế hiện trạng còn là 1.410,5m², giảm 401,5m² việc giảm diện tích này bà P không có ý kiến gì và yêu cầu Tòa giải quyết chia diện tích thực tế theo hiện trạng diện tích đất còn lại, bà P có nguyện vọng được nhận phần đất chia thừa kế gắn với nhà mà chị em bà đã xây dựng. Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nguyên đơn thống nhất và không có ý kiến gì.

Bị đơn ông Lê Trung T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Cha mẹ ông Lê Trung T là ông Lê H6 và bà Trần Thị L. Bà L chết năm 2008, ông H6 chết năm 2014, chết không để lại di chúc. Ông H6 và bà L có 04 người con chung gồm: Lê Thị H4, Lê Trung C, Lê Trung T và Lê Trung Ú. Trong số các con thì có anh trai ông T là ông Lê Trung C đã chết năm 2020, vợ ông C là bà Lê Thị Bích N chết trước ông C. Vợ chồng ông C có 03 người con là: Lê Thị Hồng H1, Lê Thị Hồng P và Lê Trung T1.

Về nguồn gốc thửa đất số 732, tờ bản đồ số 9 tại thôn H, xã Đ là do ông bà để lại cho cha mẹ ông T sử dụng, sinh sống trên đất và sinh ra anh em ông T. Khi bà H4, ông C có chồng, có vợ thì ra ở riêng. Chỉ còn ông T và ông Ú ở trên thửa đất này. Sau đó ông Ú có dựng 01 ngôi nhà ở bên cạnh nhà của cha mẹ sống một thời gian thì bỏ đi, chỉ có 01 mình ông T sống cùng với cha mẹ trên thửa đất 732. Khoảng năm 2020, sau khi anh trai ông T là ông Lê Trung C chết thì các cháu có về xin phép ông xây dựng 01 ngôi nhà trên đất ông bà nội để lại để ở và thờ anh chị ông T nên ông đồng ý cho xây dựng. Nay con ông C là Lê Thị Hồng P yêu cầu chia thừa kế tài sản đất 732 và ngôi nhà cấp 4 trên đất của ông Lê H6, bà Trần Thị L để lại thì ông đồng ý chia.

Tuy nhiên, trước khi chia thì phải trích lại một phần để làm nhà thờ, mồ mả ông bà còn lại thì chia đều cho 4 người con gồm: ông T, bà H4, ông Ú mỗi người 01 phần, riêng phần của ông Lê Trung C thì các con ông C sẽ nhận. Đối ngôi nhà cấp 4 ông đang ở thì đây là ngôi nhà của cha mẹ ông T nhưng cũng có phần đóng góp của ông nên ông đề nghị xem xét giải quyết chia theo pháp luật. Về phần cây cối có trên đất là những cây có giá trị thấp nên ông T thống nhất không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, trên đất còn ngôi nhà 2 tầng là do chị em bà P xây dựng, ngôi nhà bỏ hoang là của ông Lê Trung Ú xây dựng, ông T không tranh chấp gì về tài sản này.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bị đơn thống nhất và không có ý kiến gì. Ngoài ra bị đơn không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H4 trình bày:

Bà Lê Thị H4 là con của ông Lê H6 và bà Trần Thị L. Bà thống nhất nội dung trình bày của bà Lê Thị Hồng P và ông Lê Trung T về nguồn gốc thửa đất số 732 và các tài sản có trên đất. Nay bà Lê Thị Hồng P yêu cầu chia thừa kế tài sản của cha mẹ bà để lại thì bà đồng ý chia tài sản của cha mẹ bà để lại làm 05 phần: 01 phần để cho ông T quản lý, thờ tự, chăm lo mồ mả ông bà, 04 phần còn lại chia đều cho cho các con ông H6, bà L gồm: Lê Thị H4, Lê Trung C, Lê Trung T và Lê Trung Ú, riêng ông C đã chết thì phần của ông Lê Trung C các con ông C được nhận.

Đối với tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 ông T đang ở là nhà của cha mẹ bà xây dựng, 01 ngôi nhà 2 tầng là nhà của các con ông C xây dựng, 01 ngôi nhà bỏ hoang là nhà của ông Lê Trung Ú, nhà vệ sinh ngoài trời là của vợ chồng ông T xây dựng. Về tài sản này bà đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc hiện trạng diện tích còn 1.410,5m², kết quả thẩm định giá, bà H4 đồng ý thống nhất và không có ý kiến gì. Ngoài ra bà H4 không trình bày gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng H1, ông Lê Trung T1, ông Lê Trung Ú ủy quyền cho bà Lê Thị Hồng P trình bày:

Về mối quan hệ nhân thân và nguồn gốc thửa đất số 732, tờ bản đồ số 9 tại thôn H, xã Đ theo như nguyên đơn, bị đơn đã trình bày là đúng. Hiện nay, trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 do ông H6 và bà L để lại, trong đó vợ chồng ông T có đóng góp xây dựng công trình phụ là nhà vệ sinh ngoài trời, 01 ngôi nhà bỏ hoang của ông Lê Trung Ú và 01 ngôi nhà xây 2 tầng của bà Lê Thị Hồng P, Lê Thị Hồng H1 và ông Lê Trung T1 con ông Lê Trung C xây dựng. Hiện nay bà Lê Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết chia thừa kế tài sản thửa đất số 732, tờ bản đồ số 9, diện tích hiện trạng còn 1.410.5m² và tài sản trên đất thì các ông bà đề nghị Tòa giải quyết chia theo pháp luật, các ông, bà có nguyện vọng được nhận đất để ở. Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, kết quả thẩm định giá, các ông, bà đồng ý thống nhất và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thu H2 trình bày:

Bà H2 là vợ của ông Lê Trung T, chung sống cùng với ông T tại ngôi nhà trên thửa đất số 732, tờ bản đồ số 9 thôn H, xã Đ, thị xã Đ. Về ngôi nhà trên đất là nhà của cha mẹ chồng bà, bà H2 không có đóng góp gì vào việc xây dựng đối với ngôi nhà trên, bà không liên quan gì trong vụ án. Nay, bà Lê Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 732, tờ bản đồ số 9 thì bà H2 đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2023/DS - ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 611, 612, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng P về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” với ông Lê Trung T.

1. Phân chia tài sản thừa kế thửa đất số 732, tờ bản đồ số 9 tại thôn H, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 339685 do UBND huyện Đ cấp ngày 04/5/2001 hộ Lê Trung H6 (Lê H6) và tài sản gắn liền trên đất như sau:

1.1 Bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng H1 và ông Lê Trung T1 được nhận 212,7m² đất (trong đó 200m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 12,7m² đất cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao, thời hạn tháng 7/2064), trị giá 774.736.290 đồng. Được xác định tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp đường đất 2m
- + Phía Tây giáp thửa đất chia cho ông Lê Trung Ú
- + Phía Nam giáp thửa đất chia cho ông Lê Trung T
- + Phía Bắc giáp đường bê tông 3m

Tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà 2 tầng do bà Lê Thị Hồng H1, bà Lê Thị Hồng P và ông Lê Trung T1 xây dựng, trị giá 611.761.281 đồng.

Tổng giá trị tài sản 1.386.497.571 đồng (*Một tỷ ba trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi một đồng*).

1.2 Ông Lê Trung T được quyền sử dụng 573m² đất (trong đó 275m² đất ở thời hạn sử dụng lâu dài và 298m² đất cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao thời hạn tháng 7/2064), trị giá 1.905.405.724 đồng. Được xác định tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp đường đất 2m
- + Phía Tây giáp thửa đất ONT 732
- + Phía Nam giáp thửa đất chia cho bà Lê Thị H4
- + Phía Bắc giáp thửa đất chia cho bà Lê Thị Hồng H1, bà Lê Thị Hồng P ông Lê Trung T1, thửa đất chia cho ông Lê Trung Ú và đường bê tông 3m.

Tài sản gắn liền trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 trị giá 63.339.508 đồng; nhà vệ sinh ngoài trời trị giá 5.394.975 đồng; 01 ngôi nhà hoang của ông Lê Trung Ú trị giá 5.692.500 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 1.979.832.107 đồng. (*Một tỷ chín trăm bảy mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai nghìn một trăm lẻ bảy đồng*).

1.3 Bà Lê Thị H4 được quyền sử dụng phần diện tích 518,6m² đất (trong đó 219m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài và 299,6m² đất cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao, thời hạn tháng 7/2064), trị giá 1.703.920.560 đồng (*Một tỷ bảy trăm lẻ ba triệu chín trăm hai mươi nghìn năm trăm sáu mươi đồng*). Được xác định tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp đường đất 2m
- + Phía Tây giáp thửa đất ONT thửa 731
- + Phía Nam giáp lối đi chung, đường bê tông 2m của thửa ONT 734a.
- + Phía Bắc giáp thửa đất chia cho ông Lê Trung T.

1.4 Ông Lê Trung Ú được quyền sử dụng phần diện tích 106,2m² đất ở, thời hạn sử dụng lâu dài, trị giá 391.189.186 đồng (*Ba trăm chín mươi một triệu một trăm tám mươi chín nghìn một trăm tám mươi sáu đồng*). Được xác định tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp thửa đất chia cho bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng H1, ông Lê Trung T1.
- + Phía Tây giáp thửa đất chia cho ông Lê Trung T
- + Phía Nam giáp thửa đất chia cho ông Lê Trung T
- + Phía Bắc giáp đường bê tông 3m.

- Ông Lê Trung Ú còn được nhận số tiền chênh lệch trong khối di sản được chia là 760.506.755 đồng (*Bảy trăm sáu mươi triệu năm trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng*), do bà Lê Thị H4 thanh toán là 552.224.619 đồng, ông Lê Trung T thanh toán là 208.282.136 đồng. Ông Lê Trung T có nghĩa vụ hoàn trả giá trị ngôi nhà hoang cho ông Lê Trung Ú là 5.692.500 đồng. (*Năm triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

- Bà Lê Thị Hồng H1, bà Lê Thị Hồng P và ông Lê Trung T1 được nhận thêm số tiền chênh lệch trong khối di sản được chia là 376.959.651 đồng (*Ba trăm bảy mươi sáu triệu chín trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi một đồng*) do ông Lê Trung T phải có nghĩa vụ thanh toán là 376.959.651 đồng.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/7/2023, bị đơn ông Lê Trung T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đề tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Trung T, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2023/DS - ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Trung T thì thấy:

[2.1] Về hiện trạng thực tế thửa đất đang tranh chấp:

Về hiện trạng sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 339685 do UBND huyện Đ cấp ngày 04/5/2001 hộ Lê Trung H6 (L) thì thửa đất 732, tờ bản đồ số 9 có diện tích là 1.812m² thổ cư. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế thì diện tích còn 1.410,5m² (giảm 401,5m²), diện tích giảm này theo các đương sự khai là trong quá trình sử dụng đất có sự lấn chiếm của hộ liền kề nhưng các bên đã thỏa thuận được, không tranh chấp với các hộ liền kề và thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế diện tích đất còn lại theo hiện trạng đo đạc thực tế. Tại Công văn số 51/UBND ngày 06/01/2023 của UBND thị xã Đ đã xác định đất ở của hộ ông Lê Trung H6 là 800m², loại đất ở thời hạn sử dụng lâu dài và 610,5m² đất cây lâu năm có nguồn gốc đất vườn, thời hạn tháng 7/2064.

Kết quả thẩm định lại vào ngày 28/02/2024 của Tòa án tỉnh Quảng Nam cũng xác định diện tích thực tế hiện nay thửa đất 732, tờ bản đồ số 9 còn 1.410,5m² trong đó có 800m² loại đất ở và 610,5m² đất cây lâu năm có nguồn gốc đất vườn. Do đó, HĐXX xác định di sản là quyền sử dụng đất của ông Lê H6 và bà Trần Thị L gồm 800m² loại đất ở và 610,5m² đất cây lâu năm có nguồn gốc đất vườn, trị giá

2.210.500.000 đồng (theo biên bản thỏa thuận về giá ngày 28/2/2024), theo đó đất ở là 2.000.000 đồng/m²; đất cây lâu năm là 1.000.000 đồng/m²

Về tài sản trên đất: Theo biên bản thẩm định ngày 28/2/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam: Trên thửa đất hiện này chỉ có 01 ngôi nhà của ông Lê H6, bà Trần Thị L và 01 ngôi nhà ở 2 tầng của bà Lê Thị Hồng H1, bà Lê Thị Hồng P và ông Lê Trung T1, 04 cây mít có quả; 01 cây mận có quả và 01 cây khế có quả. Hiện nay không còn 01 ngôi nhà bỏ hoang của ông Lê Trung Ú và nhà vệ sinh ngoài trời của vợ chồng ông Lê Trung T.

Về hàng thừa kế: Ông Lê H6 và bà Trần Thị L sinh được 04 người con chung gồm: Lê Thị H4, Lê Trung C, Lê Trung T và Lê Trung Ú. Các ông, bà Lê Thị H4, Lê Trung T và Lê Trung Ú còn sống, riêng Lê Trung C chết năm 2020 (chết sau ông H6, bà L), vợ ông C là bà Lê Thị Bích N chết năm 2008 (chết trước ông C) nên hàng thừa kế của ông C có 03 người con là Lê Thị Hồng H1, bà Lê Thị Hồng P và ông Lê Trung T1. Nên di sản của ông H6, bà L sẽ được chia 4 phần cho bà Lê Thị H4, ông Lê Trung T, ông Lê Trung Ú và các con của ông Lê Trung C là Lê Thị Hồng H1, bà Lê Thị Hồng P và ông Lê Trung T1.

[2.2] Tại phiên tòa các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau;

Các đương sự thống nhất không yêu cầu chia đôi với ngôi nhà của ông Lê H6, bà Trần Thị L và 6 cây ăn quả vì giá trị ngôi nhà và các cây ăn quả có giá trị rất thấp do nhà đã xuống cấp nghiêm trọng, trong phần đất được chia thừa kế nếu phần đất nào được chia có các tài sản này thì người được chia đất có quyền sở hữu đối với tài sản đó.

Các đương sự đề nghị HĐXX chia quyền sử dụng đất cho các đương sự theo sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

[2.2.1] Tổng di sản ông Lê H6 và bà Trần Thị L để lại là quyền sử dụng thửa đất 732, tờ bản đồ số 9 có diện tích 1.410,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 339685 do UBND huyện Đ cấp ngày 04/5/2001 hộ Lê Trung H6 (L) trong đó có 800m², loại đất ở thời hạn sử dụng lâu dài và 610,5m² đất cây lâu năm có nguồn gốc đất vườn, thời hạn tháng 7/2064. Có tổng giá trị là 2.210.500.000 đồng (đất ở là 2.000.000 đồng/m²; đất cây lâu năm là 1.000.000 đồng/m²)

[2.2.2] Chia theo phần cụ thể:

- Phần bà Lê Thị Hồng H1, bà Lê Thị Hồng P và ông Lê Trung T1 được nhận 263,9m² đất, trong đó 200m² đất ở và 63,9m² đất cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao, trị giá 463.900.000 đồng. Trên diện tích đất này có 01 ngôi nhà 2 tầng do bà Lê Thị Hồng H1, bà Lê Thị Hồng P và ông Lê Trung T1 xây dựng. (Vị trí tứ cận, tọa độ các cạnh của phần đất 263,9m² có sơ đồ kèm theo)

- Phần ông Lê Trung T và bà Lê Thị H4 được nhận là 618,5 m² trong đó 400m² đất ở và 218,5m² đất cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao, trị giá 1.018.500.000 đồng và 01 phần ngôi nhà cấp 4 của ông Lê H6 và bà Trần Thị L và toàn bộ số cây ăn quả có trên phần đất này (Vị trí tứ cận, tọa độ các cạnh của phần đất 618,5 m² có sơ đồ kèm theo)

- Phần ông Lê Trung Ú được nhận 528,1m² trong đó 200m² đất ở và 328,1m² đất cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao, trị giá 728.100.000 đồng và toàn bộ số cây

ăn quả có trên phần đất này. (Vị trí tứ cận, tọa độ các cạnh của phần đất 528,1m² có sơ đồ kèm theo)

Ông Lê Trung T không yêu cầu tính công quản di sản và các đương sự không yêu cầu thối trả tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất được chia.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lần 1 là 28.069.000 đồng, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P tự nguyện chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lần 2 là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), bị đơn ông Lê Trung T tự nguyện chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Các đương sự phải có nghĩa vụ chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được chia theo điều 27 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nên bị đơn Lê Trung T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 609, 611, 612, 623, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự vào điểm a khoản 7 điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Trung T, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 113/2023/DS - ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” như sau:

[2.1] Về di sản thừa kế của Ông Lê H6 và bà Trần Thị L để lại là quyền sử dụng thửa đất 732, tờ bản đồ số 9 có diện tích 1.410,5m² trong đó có 800m², loại đất ở thời hạn sử dụng lâu dài và 610,5m² đất cây lâu năm có nguồn gốc đất vườn, thời hạn tháng 7/2064. Có tổng giá trị là 2.210.500.000 đồng (đất ở là 2.000.000 đồng/m²; đất cây lâu năm là 1.000.000 đồng/m²)

[2.2] Chia di sản thừa kế theo phần cụ thể như sau:

- Phần bà Lê Thị Hồng H1, bà Lê Thị Hồng P và ông Lê Trung T1 được nhận 263,9m² đất, trong đó 200m² đất ở và 63,9m² đất cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao, trị giá 463.900.000 đồng. Trên diện tích đất này có 01 ngôi nhà 2 tầng do bà Lê Thị Hồng H1, bà Lê Thị Hồng P và ông Lê Trung T1 xây dựng. Vị trí tứ cận, phần đất này được xác định tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp đường đất 2m

+ Phía Tây và phía Nam giáp phần đất chia cho ông Lê Trung T và Lê Thị H4 trong thửa 732

+ Phía Bắc giáp đường bê tông 3m.

(có sơ đồ kèm theo)

- Phần ông Lê Trung T và bà Lê Thị H4 được nhận là 618,5 m² trong đó 400m² đất ở và 218,5m² đất cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao, trị giá 1.018.500.000 đồng. Trên đất này 01 phần ngôi nhà cấp 4 của ông Lê H6 và bà Trần Thị L và toàn bộ số cây ăn quả có trên phần đất này. Vị trí tứ cận, phần đất này được xác định tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp phần đất chia cho bà Lê Thị Hồng H1, bà Lê Thị Hồng P và ông Lê Trung T1 và đường đất 2m

+ Phía Tây giáp phần đất chia ông Lê Trung Ú trong thửa 732

+ Phía Nam giáp thửa 734A

+ Phía Bắc giáp đường bê tông 3m.

(có sơ đồ kèm theo)

- Phần ông Lê Trung Ú được nhận 528,1m² trong đó 200m² đất ở và 328,1m² đất cây lâu năm có nguồn gốc vườn ao, trị giá 728.100.000 đồng và toàn bộ số cây ăn quả có trên phần đất này. Vị trí tứ cận, phần đất này được xác định tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp phần đất chia Ông Lê Trung T và bà Lê Thị H4

+ Phía Tây giáp thửa đất 731

+ Phía Nam giáp thửa 734A

+ Phía Bắc giáp đường bê tông 3m.

(có sơ đồ kèm theo)

Ông Lê Trung T không yêu cầu tính công quản di sản và các đương sự không yêu cầu bồi thường tiền chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất được chia.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lần 1 là 28.069.000 đồng. Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng P tự nguyện chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lần 2 là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), bị đơn ông Lê Trung T tự nguyện chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng H1, ông Lê Trung T1 phải chịu 22.556.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.770.000 đồng theo biên lai thu số 0000824 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Điện Bàn, bà Lê Thị Hồng P, bà Lê Thị Hồng H1, ông Lê Trung T1 còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 20.786.000 đồng. (Hai mươi triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn đồng)

Ông Lê Trung T, bà Lê Thị H4 phải chịu 42.555.000 đồng (bốn mươi hai triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản. Mỗi người phải chịu 21.277.500 đồng (Hai mươi một triệu hai bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng)

Ông Lê Trung Ú phải chịu 33.124.00 đồng (Ba mươi ba triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Trung T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H7 lại cho ông Lê Trung T 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000261 ngày 26/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thị xã Điện Bàn;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Dũng